

Số: **47**/2016/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm 2016

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CÔNG VĂN ĐẾN

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Tiêu chí xác định và Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm trong các cơ quan, tổ chức nhà nước.

2. Việc ưu tiên được áp dụng trong các trường hợp đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và việc đầu tư, mua sắm này không nhằm mục đích thương mại, cụ thể gồm:

a) Mua sắm tài sản và mua sắm khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên;

b) Mua sắm, đầu tư trong các dự án đầu tư;

c) Các hoạt động khác có hạng mục đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức).

2. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này áp dụng các quy định trong Thông tư này khi đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

Điều 3. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên khi đầu tư, mua sắm

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên) khi:

1. Sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên khi đầu tư, mua sắm quy định tại Điều 4 Thông tư này;

2. Đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này;

3. Sản phẩm, dịch vụ được công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều 7

Thông tư này.

Điều 4. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên khi đầu tư, mua sắm

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên khi đầu tư, mua sắm (sau đây gọi tắt là Danh mục) được quy định tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục sẽ được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn phát triển.

Điều 5. Tiêu chí chung đối với sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên

Sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên phải đáp ứng các tiêu chí chung như sau:

1. Đã được đăng ký thương hiệu và được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc đã đăng ký và hoàn tất các yêu cầu, điều kiện để cung cấp sản phẩm, dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Có tài liệu kỹ thuật và tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt;

3. Có thông báo rõ ràng các điều khoản cam kết về bảo hành, trách nhiệm của nhà cung cấp, chính sách hậu mãi.

Điều 6. Tiêu chí cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên

Sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên phải đáp ứng các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Đối với sản phẩm phần cứng, điện tử:

a) Chi phí sản xuất trong nước của sản phẩm chiếm tỉ lệ từ 25% trở lên trong giá sản phẩm đó, hoặc có tối thiểu 50 lao động Việt Nam có chuyên môn về phần cứng, điện tử có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên, bao gồm các cán bộ nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D), kiểm tra chất lượng, kỹ sư và công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm đó;

b) Sản phẩm đã công bố phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia (nếu có). Sản phẩm được chứng nhận và công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy hoặc sản phẩm đã được công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy;

c) Sản phẩm được sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp đạt ít nhất một trong các chuẩn quản lý chất lượng, môi trường cho hoạt động sản xuất phần

cứng, điện tử sau: TCVN ISO 9001:2008; TCVN ISO 17025:2005; TCVN ISO 14001:2004, hoặc tương đương.

2. Đối với sản phẩm phần mềm:

a) Các chức năng, tính năng kỹ thuật của sản phẩm phù hợp với các yêu cầu nghiệp vụ hoặc quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước (nếu có);

b) Chi phí sản xuất trong nước của sản phẩm chiếm tỉ lệ từ 25% trở lên trong giá sản phẩm đó, hoặc có tối thiểu 20 lao động Việt Nam có chuyên môn về phần mềm có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên, bao gồm các cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D), kiểm tra đảm bảo chất lượng, kỹ sư và lập trình viên trực tiếp sản xuất sản phẩm đó;

c) Sản phẩm phải được sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp đạt chứng chỉ cho hoạt động sản xuất phần mềm theo chuẩn CMMI mức 3 trở lên, hoặc TCVN ISO 9001:2008, hoặc tương đương hoặc sản phẩm có điểm mô hình độ chín nguồn mở (OSMM) từ 60 điểm trở lên, hoặc mô hình điểm ngưỡng thất bại (PoF) từ 50 điểm trở xuống;

d) Đối với các sản phẩm an toàn thông tin mạng thì thực hiện theo quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Đối với sản phẩm nội dung thông tin số:

a) Sản phẩm phải tuân thủ pháp luật về việc cung cấp, sử dụng nội dung, thông tin;

b) Chi phí sản xuất trong nước của sản phẩm chiếm tỉ lệ từ 25% trở lên trong giá sản phẩm đó, hoặc có tối thiểu 20 lao động Việt Nam có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên, trực tiếp tham gia phát triển sản phẩm đó.

4. Đối với dịch vụ công nghệ thông tin:

a) Dịch vụ được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008, hoặc tương đương. Hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ (nếu có) đặt tại Việt Nam. Ưu tiên các nhà cung cấp dịch vụ có hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn TCVN ISO 20000 hoặc ISO 27001;

b) Đối với các dịch vụ có liên quan đến dữ liệu của khách hàng, nhà cung cấp dịch vụ phải có các biện pháp đảm bảo an toàn, bí mật thông tin, dữ liệu của khách hàng;

c) Đối với các dịch vụ an toàn thông tin mạng thì thực hiện theo quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Điều 7. Công bố thông tin về sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên

1. Để các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đạt tiêu chí tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này được ưu tiên khi đầu tư, mua sắm, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, cung cấp dịch vụ có trách nhiệm:

a) Công bố sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đạt các tiêu chí được ưu tiên đầu tư, mua sắm theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của mình (nếu có) trong suốt quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã công bố;

b) Thông báo bằng văn bản tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin – 18 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội) thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đã được công bố theo mẫu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư này;

c) Công bố bổ sung hoặc thay đổi thông tin về sản phẩm, dịch vụ khi có sự thay đổi về sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đã công bố trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của mình và thông báo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) theo mẫu tại Phụ lục số IV kèm theo Thông tư này;

d) Trường hợp ngừng cung cấp hoặc ngừng hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên đã công bố, tổ chức, doanh nghiệp phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của mình và thông báo tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) theo mẫu tại Phụ lục số V kèm theo Thông tư này;

đ) Đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên như thông tin đã công bố.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của tổ chức, doanh nghiệp (gửi theo mẫu tại Phụ lục số III hoặc Phụ lục số IV hoặc Phụ lục số V kèm theo Thông tư này), Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Xem xét, đăng tải thông tin về sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên của tổ

chức, doanh nghiệp lên công thông tin điện tử tại địa chỉ www.mic.gov.vn để các cơ quan, tổ chức tham khảo khi đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;

b) Trong trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra sự đáp ứng về tiêu chí của sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên đã được các tổ chức, doanh nghiệp công bố, đăng tải kết quả kiểm tra lên công thông tin điện tử tại địa chỉ www.mic.gov.vn. Trường hợp phát hiện sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của tổ chức, doanh nghiệp đã đăng công bố không đạt so với thông tin công bố, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ yêu cầu các cơ quan chức năng điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

3. Khuyến khích các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khảo sát, đánh giá và công bố các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đạt tiêu chí được ưu tiên đầu tư, mua sắm trong lĩnh vực, trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 8. Đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên trong trường hợp có yêu cầu kỹ thuật đặc thù

Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin cần đầu tư, mua sắm có trong Danh mục quy định tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này, nhưng do yêu cầu kỹ thuật đặc thù của dự án không thể lựa chọn sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên thì chủ đầu tư phải thực hiện quy trình thẩm định, phê duyệt như sau:

1. Quy trình thẩm định:

a) Chủ đầu tư lập hồ sơ giải trình gửi xin ý kiến chuyên môn của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc Bộ, ngành hoặc Sở Thông tin và Truyền thông của địa phương mình (sau đây gọi tắt là đơn vị chuyên trách). Trong trường hợp chủ đầu tư cũng chính là đơn vị chuyên trách thì cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm phải lập một Tổ tư vấn độc lập để xem xét, cho ý kiến đề xuất đầu tư, mua sắm. Tổ tư vấn độc lập phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Có tối thiểu 03 thành viên; các thành viên Tổ tư vấn độc lập không thuộc đơn vị chủ đầu tư; có năng lực, kinh nghiệm phù hợp;

b) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ giải trình hợp lệ, đơn vị chuyên trách hoặc Tổ tư vấn độc lập phải có văn bản góp ý kiến chuyên môn gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm và chủ đầu

tư;

c) Nội dung văn bản góp ý kiến chuyên môn: Phân tích mục đích sử dụng để xác định yêu cầu của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm; đánh giá khả năng đáp ứng của sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên so với yêu cầu của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm; xác định tính xác đáng của việc không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên và nêu rõ ý kiến kết luận đối với đề nghị của chủ đầu tư;

d) Trên cơ sở văn bản góp ý kiến chuyên môn, chủ đầu tư trình hồ sơ giải trình lên cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm để xin phê duyệt việc không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính xác thực của các tài liệu và các phân tích, lập luận trong hồ sơ giải trình;

đ) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ giải trình của chủ đầu tư, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm giao cho cơ quan chức năng tiến hành thẩm định để có căn cứ phê duyệt việc không đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước và chịu trách nhiệm trực tiếp về quyết định của mình.

2. Hồ sơ giải trình bao gồm:

a) Giải trình mục đích của việc đầu tư sản phẩm, dịch vụ và yêu cầu đặc thù mà sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên không đáp ứng được;

b) Tài liệu mô tả yêu cầu về chức năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm đáp ứng yêu cầu của dự án;

c) Giải trình lý do sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên không đáp ứng được các yêu cầu về chức năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ cần đầu tư, mua sắm;

d) Văn bản góp ý kiến chuyên môn của đơn vị chuyên trách hoặc Tổ tư vấn độc lập và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Vụ Công nghệ thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông) có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện Thông tư này;

b) Tổ chức đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, trình Bộ

trường xem xét, cập nhật, bổ sung Danh mục;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện các quy định tại Thông tư này để trình Bộ trưởng báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình thực hiện nội dung của Thông tư này;

b) Đưa ra và chịu trách nhiệm về ý kiến chuyên môn của mình đối với các nội dung liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin được ưu tiên đầu tư, mua sắm trong các dự án, kế hoạch đầu tư, mua sắm dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình;

c) Yêu cầu các chủ đầu tư thuộc Bộ, ngành hoặc địa phương mình báo cáo về tình hình thực hiện các quy định tại Thông tư này. Tổng hợp và gửi báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số VI kèm theo Thông tư này về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong trường hợp việc đầu tư, mua sắm đã được thẩm định, phê duyệt và triển khai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BTTTT ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Trong trường hợp việc đầu tư, mua sắm đã được thẩm định, phê duyệt nhưng chưa bắt đầu triển khai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý đầu tư, pháp luật về đấu thầu và Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2017.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2014/TT-BTTTT ngày 20 tháng

02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

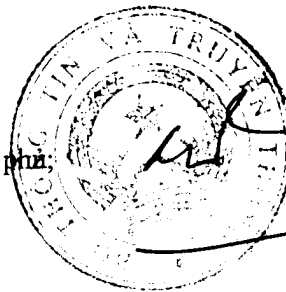
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) để kịp thời giải quyết.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. **tt**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các PTTgCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin;
- Ban Chỉ đạo CNTT cơ quan Đảng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, CNTT (5).

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

Phụ lục số I

Danh mục sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ
1	Nhóm sản phẩm máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi
1.1	Máy tính cá nhân để bàn
1.2	Máy tính xách tay
1.3	Máy chủ
1.4	Các thiết bị nhập dữ liệu
1.5	Màn hình máy tính LCD
2	Nhóm sản phẩm thiết bị thông tin viễn thông, điện tử đa phương tiện
2.1	Điện thoại hữu tuyến
2.2	Cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi
2.3	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số mặt đất (Set top box)
2.4	Máy thu hình có tích hợp chức năng thu tín hiệu truyền hình số mặt đất
3	Nhóm phần mềm ứng dụng
3.1	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc
3.2	Phần mềm quản lý hộ tịch
3.3	Phần mềm một cửa điện tử
3.4	Phần mềm cấp phép, cấp giấy chứng nhận
3.5	Phần mềm kế toán
3.6	Phần mềm quản lý nhân sự, chấm công
3.7	Phần mềm quản lý nguồn lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
3.8	Phần mềm từ điển tiếng Việt, ngoại ngữ
3.9	Phần mềm kê khai hải quan điện tử
3.10	Phần mềm đăng ký và cấp mã số thuế
3.11	Phần mềm quản lý tài sản, kho

3.12	Phần mềm quản lý nghiệp vụ trường học
3.13	Phần mềm quản lý nghiệp vụ bệnh viện
3.14	Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng
3.15	Phần mềm quản lý thi công xây dựng
3.16	Phần mềm hội nghị, truyền hình trực tuyến
3.17	Phần mềm quản trị dự án
3.18	Phần mềm nhận dạng tiếng Việt
3.19	Phần mềm quản lý Môi trường – Đô thị
3.20	Phần mềm thi đua – khen thưởng
3.21	Phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại
3.22	Phần mềm quản lý thư viện
3.23	Phần mềm hỗ trợ đào tạo trực tuyến (eLearning)
4	Nhóm phần mềm tiện ích
4.1	Phần mềm an toàn thông tin mạng
5	Nhóm sản phẩm nội dung số
5.1	Thư viện số, kho dữ liệu số
6	Nhóm dịch vụ điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin
6.1	Dịch vụ điều tra, khảo sát số liệu về công nghệ thông tin
6.2	Dịch vụ phân tích, khai thác số liệu về công nghệ thông tin
7	Nhóm dịch vụ tư vấn về công nghệ thông tin
7.1	Dịch vụ phân tích hệ thống công nghệ thông tin
7.2	Dịch vụ tư vấn giải pháp, sản phẩm, hệ thống công nghệ thông tin
7.3	Dịch vụ tư vấn về dự án công nghệ thông tin
7.4	Dịch vụ tư vấn về chính sách, chiến lược, quản lý công nghệ thông tin
7.5	Dịch vụ tư vấn đánh giá, thẩm định phần cứng, hệ thống, mạng, sản phẩm tích hợp
7.6	Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm
7.7	Dịch vụ tư vấn về an toàn thông tin

8	Nhóm dịch vụ tích hợp hệ thống, quản lý ứng dụng
8.1	Dịch vụ quản lý, duy trì hệ thống
8.2	Dịch vụ tích hợp hệ thống
8.3	Dịch vụ quản lý, duy trì mạng
9	Nhóm dịch vụ thiết kế, duy trì trang, cổng thông tin điện tử
9.1	Dịch vụ phân tích, thiết kế, phát triển trang thông tin điện tử
9.2	Dịch vụ quản lý, duy trì trang thông tin điện tử
10	Nhóm dịch vụ lắp đặt, bảo hành, bảo trì, nâng cấp về công nghệ thông tin
10.1	Dịch vụ lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa sản phẩm phần cứng, điện tử
10.2	Dịch vụ cài đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa phần mềm
10.3	Dịch vụ lắp đặt, cài đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa mạng
10.4	Dịch vụ bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung số
10.5	Dịch vụ nâng cấp phần cứng, phần mềm, hệ thống
11	Nhóm dịch vụ cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu
11.1	Dịch vụ thu thập số liệu
11.2	Dịch vụ nhập, số hóa, chuyển đổi dữ liệu
11.3	Dịch vụ xử lý, khai thác dữ liệu
11.4	Dịch vụ công tìm kiếm trên mạng
12	Nhóm dịch vụ cho thuê, chia sẻ tài nguyên công nghệ thông tin
12.1	Dịch vụ cho thuê phần cứng công nghệ thông tin
12.2	Dịch vụ cho thuê phần mềm, cơ sở dữ liệu
12.3	Dịch vụ cho thuê hệ thống
12.4	Dịch vụ trung tâm dữ liệu
13	Nhóm dịch vụ đào tạo công nghệ thông tin
13.1	Dịch vụ đào tạo chính sách, chiến lược công nghệ thông tin
13.2	Dịch vụ đào tạo quản trị, quản lý công nghệ thông tin
13.3	Dịch vụ đào tạo kỹ thuật về công nghệ thông tin

13.4	Dịch vụ đào tạo sử dụng công nghệ thông tin
13.5	Dịch vụ đào tạo nghiệp vụ tư vấn về công nghệ thông tin
13.6	Dịch vụ đào tạo kỹ năng mềm về công nghệ thông tin
14	Nhóm dịch vụ phần cứng
14.1	Dịch vụ thiết kế phần cứng
14.2	Dịch vụ gia công phần cứng, điện tử
14.3	Dịch vụ kiểm thử phần cứng
14.4	Dịch vụ làm mới, tái chế các sản phẩm phần cứng, điện tử
14.5	Dịch vụ xuất nhập khẩu, phân phối sản phẩm phần cứng, điện tử
15	Nhóm dịch vụ phần mềm
15.1	Dịch vụ phân tích, thiết kế phần mềm
15.2	Dịch vụ phát triển, gia công phần mềm
15.3	Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung chức năng, bản địa hóa phần mềm
15.4	Dịch vụ kiểm thử, thẩm định phần mềm
15.5	Dịch vụ đóng gói phần mềm
15.6	Dịch vụ phát hành, chuyển giao, triển khai phần mềm
16	Nhóm dịch vụ nội dung số
16.1	Dịch vụ gia công, hỗ trợ sản xuất nội dung số
16.2	Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung chức năng, bản địa hóa sản phẩm nội dung số
16.3	Dịch vụ cung cấp, phát hành, chia sẻ nội dung số
16.4	Dịch vụ quản lý, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành sản phẩm nội dung số
17	Nhóm dịch vụ an toàn thông tin mạng
17.1	Dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin
17.2	Dịch vụ bảo mật thông tin
17.3	Dịch vụ chứng thực chữ ký số
17.4	Dịch vụ giám sát an toàn thông tin
17.5	Dịch vụ ứng cứu, khắc phục sự cố an toàn thông tin
17.6	Dịch vụ sao lưu/khôi phục dữ liệu

18	Nhóm dịch vụ công nghệ thông tin khác
18.1	Dịch vụ gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin
18.2	Dịch vụ nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin
18.3	Dịch vụ CAD/CAM

Phụ lục số II

Phiếu công bố sản phẩm, dịch vụ đạt các tiêu chí được ưu tiên đầu tư, mua sắm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thông tin chung:

1.1. Tên doanh nghiệp:

1.2. Địa chỉ trụ sở chính:

1.3. Số điện thoại: Số fax: Email:

1.4 Website (nếu có):

2. Tên sản phẩm, dịch vụ:

.....

3. Lĩnh vực:

Phần cứng Phần mềm Dịch vụ Nội dung thông tin số

4. Thương hiệu, nhãn hiệu và bản quyền của sản phẩm, dịch vụ (ghi rõ tên nhãn hiệu, logo, số hiệu giấy đăng ký, ngày đăng ký, ...):

.....

.....

.....

5. Các tính năng chính của sản phẩm, mức độ chất lượng (service-level agreement) của dịch vụ:

.....

.....

.....

6. Thời điểm đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường:

7. Phiên bản của sản phẩm:

8. Các giải thưởng, chứng nhận mà sản phẩm, dịch vụ đã đạt được (nếu có):

.....

.....

.....

9. Hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng liên quan của tổ chức/doanh nghiệp:

Quy trình chất lượng	Cấp độ/ Số hiệu	Năm đạt
ISO/IEC		
CMM/CMMI		
TCVN		
Tiêu chuẩn khác (ghi rõ)		

10. Khả năng nâng cấp, mở rộng, tương thích, kết nối với các sản phẩm khác:

.....
.....

11. Các tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt:

.....
.....

12. Các điều khoản cam kết bảo hành, trách nhiệm của nhà cung cấp, chính sách hậu mãi và các chính sách liên quan khác:

.....
.....

13. Các thông tin liên quan khác (nếu có):

.....
.....

Đại diện pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số III

Văn bản thông báo gửi Bộ Thông tin và Truyền thông về sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin được ưu tiên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày.... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc Công bố sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông
(Vụ Công nghệ thông tin)

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Quyết định thành lập (nếu có), Giấy phép kinh doanh số:
Cơ quan cấp: cấp ngày tại
4. Điện thoại: Fax: E-Mail:

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT, ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, (tên tổ chức/doanh nghiệp) đã công bố sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Mô tả chức năng sản phẩm, dịch vụ	Phương tiện công bố (*)
1			
2			
...			

(*): ghi rõ địa chỉ website, liệt kê phương tiện thông tin đại chúng đã công bố, thời gian, số kí hiệu của ấn bản hoặc chương trình có đăng tải thông tin công bố về sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên.

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành tiếp nhận, tổng hợp và xử lý các thông tin về sản phẩm/dịch vụ được ưu tiên của chúng tôi đã công bố như trên.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Phiếu công bố sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên (đã điền các thông tin theo Phụ lục số II, Thông tư này);

- Tài liệu thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên đã công bố (theo mẫu dưới đây);

- Bản sao các tài liệu để chứng minh sản phẩm đáp ứng được các tiêu chí quy định trong Thông tư số 47/2016 /TT-BTTTT .

- Các tài liệu liên quan khác: (liệt kê các tài liệu kèm theo).

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin cung cấp ở trên và Hồ sơ gửi kèm là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÀI LIỆU
Thuyết minh về sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên đã công bố
(Kèm theo Phụ lục số III)

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:

2. Loại hình doanh nghiệp:

Loại hình	Chọn	Thông tin thêm	
Doanh nghiệp nhà nước	<input type="checkbox"/>		
Công ty cổ phần	<input type="checkbox"/>		
Công ty TNHH	<input type="checkbox"/>		
Công ty hợp danh	<input type="checkbox"/>		
Công ty liên doanh	<input type="checkbox"/>	Tên đối tác và nước xuất xứ:	Tỷ lệ % vốn nước ngoài:%
Loại khác (ghi rõ):	<input type="checkbox"/>		

3. Hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D) và đào tạo trong doanh nghiệp (nếu có):

3.1. Bộ phận nghiên cứu phát triển: Có Không

3.2. Số lượng nhân viên bộ phận nghiên cứu phát triển:

3.3. Vốn đầu tư nghiên cứu phát triển hàng năm:

3.5. Số bằng phát minh, sáng chế được công nhận:

4. Giải thưởng doanh nghiệp đã đạt được (nếu có):

.....

5. Số lượng lao động chuyên môn làm việc dài hạn (hợp đồng lao động 01 năm trở lên) trong tổ chức, doanh nghiệp (ghi rõ lĩnh vực phân công, điện tử hoặc phần mềm hoặc nội dung số):

.....

II. Thông tin về sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên đã công bố.

1. Tên sản phẩm, dịch vụ (liệt kê tên sản phẩm, dịch vụ đã công bố):

.....
.....

2. Chức năng của sản phẩm, dịch vụ (liệt kê chức năng của từng sản phẩm):

.....
.....

3. Chi phí sản xuất trong nước trên tổng chi phí sản xuất ra sản phẩm, dịch vụ chiếm:

< 25%

≥ 25%

4. Các văn bằng bảo hộ đã được cấp theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ hoặc các giấy chứng nhận hoặc các văn bản tương tự đã được cấp theo quy định pháp luật:

.....
.....
.....

5. Sản phẩm nội dung thông tin số (nếu có) tuân thủ pháp luật về cung cấp, sử dụng nội dung, thông tin:

Có

Không

6. Đối với dịch vụ công nghệ thông tin: Các biện pháp đảm bảo an toàn, bí mật thông tin, dữ liệu của khách hàng đối với dịch vụ có liên quan đến các dữ liệu của khách hàng:

Có

Không

7. Các thông tin liên quan khác (nếu có):

.....
.....

Đại diện pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số IV

**Văn bản thông báo bổ sung/thay đổi sản phẩm,
dịch vụ được ưu tiên đã công bố**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

(Tên tổ chức, doanh
nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm

Số:.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Về việc: Thông báo bổ sung/thay đổi sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên
đã công bố**

Kính gửi : Bộ Thông tin và Truyền thông
(Vụ Công nghệ thông tin)

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Quyết định thành lập (nếu có), Giấy phép kinh doanh số:
Cơ quan cấp:cấp ngàytại
4. Điện thoại: Fax: E-Mail:

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT, ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, (tên tổ chức/doanh nghiệp) thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông về việc bổ sung/thay đổi sản phẩm/dịch vụ được ưu tiên đã công bố theo các nội dung tại mục 5 và 6 dưới đây.

5. Thông tin thay đổi:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Thông tin bổ sung/thay đổi	Lý do bổ sung/thay đổi
1			
2			
...			

6. Thông tin chi tiết liên quan đến sự thay đổi:

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số V

**Văn bản thông báo ngừng hỗ trợ, cung cấp sản phẩm,
dịch vụ được ưu tiên đã công bố**
(Ban hành kèm theo Thông tư số **47/2016/TT-BTTTT** ngày **26/12/2016**
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức, doanh
nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm

Số:.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Về việc: Thông báo ngừng hỗ trợ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên
đã công bố**

Kính gửi : Bộ Thông tin và Truyền thông
(Vụ Công nghệ thông tin)

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Quyết định thành lập (nếu có), Giấy phép kinh doanh số:
Cơ quan cấp:cấp ngàytại
4. Điện thoại: Fax: E-Mail:

Căn cứ Thông tư số **47/2016/TT-BTTTT**, ngày **26/12/2016** của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, (*tên tổ chức/doanh nghiệp*) thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ngừng cung cấp, hỗ trợ sản phẩm/dịch vụ được ưu tiên đã công bố theo các nội dung tại mục 5 và 6 dưới đây.

5. Thông tin ngừng cung cấp, hỗ trợ

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Mô tả chức năng sản phẩm, dịch vụ	Thời gian ngừng cung cấp, hỗ trợ	Lý do ngừng cung cấp, hỗ trợ
1				
2				
...				

6. Thông tin chi tiết liên quan đến việc ngừng cung cấp, hỗ trợ:

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số VI

Báo cáo, tổng hợp tình hình đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 47/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Tên cơ quan, tổ chức:

I. THUYẾT MINH VIỆC ĐẦU TƯ, MUA SẮM SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ CNTT	Mục đích sử dụng	Xuất xứ của sản phẩm/dịch vụ CNTT (trong nước hay nước ngoài)	Kinh phí	Lý do không mua sản phẩm, dịch vụ trong nước (nếu có, đề nghị nêu chi tiết)
1					
2					
3					
...					

II. TỔNG HỢP BÁO CÁO ĐẦU TƯ, MUA SẮM SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CNTT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Phần mềm					Phần cứng					Tổng số dự án thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện mua sắm phần mềm và phần cứng (triệu đồng)
Tổng số phần mềm trong nước	Kinh phí mua sắm phần mềm trong nước (triệu đồng)	Tổng số phần mềm nước ngoài	Kinh phí mua sắm phần mềm nước ngoài (triệu đồng)	Tổng kinh phí thực hiện mua sắm phần mềm (triệu đồng)	Tổng số thiết bị mua sắm trong nước	Kinh phí mua sắm thiết bị trong nước (triệu đồng)	Tổng số thiết bị mua của nước ngoài	Kinh phí mua sắm thiết bị nước ngoài (triệu đồng)	Tổng kinh phí thực hiện mua sắm phần cứng (triệu đồng)		

Nội dung thông tin số					Dịch vụ CNTT					Tổng số dự án thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện mua sắm, sử dụng nội dung thông tin số và dịch vụ CNTT (triệu đồng)
Tổng số sản phẩm nội dung số trong nước	Kinh phí mua sắm sản phẩm nội dung số trong nước (triệu đồng)	Tổng số sản phẩm nội dung số nước ngoài	Kinh phí mua sắm sản phẩm nội dung số nước ngoài (triệu đồng)	Tổng kinh phí thực hiện mua sắm sản phẩm nội dung số (triệu đồng)	Tổng số dịch vụ CNTT sử dụng trong nước	Kinh phí sử dụng dịch vụ CNTT trong nước (triệu đồng)	Tổng số dịch vụ CNTT sử dụng nước ngoài	Kinh phí sử dụng dịch vụ CNTT nước ngoài (triệu đồng)	Tổng số kinh phí sử dụng dịch vụ CNTT (triệu đồng)		

III. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC

.....

.....

.....